

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13/3/2025.

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt D.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh L và ông Nguyễn Văn T.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Phương C - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Ông Phạm T - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Khu M, xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hán N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu Đ, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh N vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Hán N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/7/2021 tại UBND xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhau tại Khu Đ, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống với nhau không còn hạnh phúc dẫn đến vợ chồng có khoảng cách. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thể khắc phục. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2023 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

2, *Phía bị đơn anh Nguyễn Hán N*: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh N đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2025 bà Nguyễn Thị Đ (mẹ anh N) trình bày*: Chị T và anh N có đăng ký kết hôn ngày 01/7/2021 tại UBND xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị T và anh N đều đi làm ăn xa, nhiều lúc vợ chồng có bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2024 đến nay chị Thuý đi làm ăn xa và cũng kể từ đó chị T không quay về chung sống ở nhà với gia đình bà nữa. Việc chị T xin ly hôn anh N biết rõ nhưng anh N bận công việc nên không đến Tòa án làm việc được. Nay chị T xin ly hôn anh N bà cho rằng đây là quan điểm của chị T, còn mong muốn của anh N và gia đình là mong muốn anh chị về đoàn tụ. Anh N đi làm ăn xa bà không biết rõ địa chỉ cụ thể ở đâu nên không cung cấp được cho Tòa án. Về con chung chị T và anh N không có con chung.

4, *Qua xác minh tại UBND xã V ngày 10/01/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hán N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/7/2021 tại UBND xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị T và anh N đều đi làm ăn xa, nhiều lúc vợ chồng không hiểu nhau nên bất đồng quan điểm sống nhưng không thấy báo chính quyền địa phương để giải quyết. Chị T và anh N đã thuê nhà để làm ăn tại xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Từ đầu năm 2024 đến nay chị T không về ở với gia đình anh N, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh N, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hán N không có con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hán N.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh N có hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị T có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh N đã được Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh N là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 01/7/2021 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống với nhau không còn hạnh phúc dẫn đến vợ chồng có khoảng cách. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thể khắc phục. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2023 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị T và anh N được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị đều đi làm ăn xa, nhiều lúc vợ chồng bất đồng quan điểm sống nhưng không thấy báo chính quyền địa phương để giải quyết. Chị T và anh N đã thuê nhà để làm ăn tại xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Từ đầu năm 2024 đến nay chị T không về ở với gia đình anh N, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hán N.

[2]. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005052 ngày 27/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã V;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Dũng

